TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN QUỲNH LƯU - NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS - ST
Ngày: 19 -11-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Huy Thông
2. Ông Hồ Đức Vĩ.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 57/2018/TLST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1960. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 6, xã Q G, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
2. Đồng bị đơn: Anh Trần Đức H. Có mặt.
Chị Nguyễn Thị Th. Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm 10, xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày:

Bà Y và vợ chồng anh Trần Đức H, chị Nguyễn Thị Th là người cùng xã, do tin tưởng nên bà đã cho anh H, chị Th vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 03/5/2016 (âm lịch) cho anh H, chị Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là một tuần, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2000 đồng/1 ngày/1 triệu. Anh H, chị Th trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền và đã nhận tiền đầy đủ. Ngày 13/10/2016 (Dương lịch), chị Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận bằng miệng là 2000 đồng/1 ngày/1 triệu, chị Th trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền và đã nhận tiền vay đầy đủ. Ngày 02/3/2018 (âm lịch) tức ngày 17/4/2017 (dương lịch), chị Th vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2000 đồng/1 triệu/ 1ngày. Chị Th trực tiếp viết và ký vào giấy

vay tiền và đã nhận tiền đầy đủ. Ngày 02/5/2018 chị Th vay số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 04/5/2018 chị Th vay số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 06/5/2018 chị Th vay số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 08/5/2018 chị Th vay tiếp số tiền là 80.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018 chị Th vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 15/5/2018 chị Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, Ngày 20/5/2018 chị Th vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. các lần vay của tháng 5 năm 2018 chị Th đều trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền, chị Th đã nhận đủ số tiền vay. Anh Trần Đức H đều biết việc này. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2000 đồng/1 triệu/1ngày. Thời hạn vay là một tháng kể từ ngày vay.

Do thương người và tin tưởng nên bà đã cho anh H và chị Th vay tiền để giải quyết khó khăn. Nhưng đến hẹn trả nợ, chị Th, anh H không trả nợ cho bà. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H và chị Th trả nợ cho bà tổng số tiền nợ gốc mà anh H và chị Th đã vay là 880.000.000 đồng, lãi suất bà không yêu cầu.

- Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Trần Đức H trình bày: Giấy vay tiền ngày 03/5/2016 thực chất là giấy vay tiền ngày 03/5/2018, anh có viết và ký vào giấy vay nợ để vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh không lấy tiền mà người lấy tiền là chị T. Số tiền còn lại anh biết vợ anh có vay nhưng vay bao nhiêu và dùng vào việc gì thì anh không biết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th trình bày: Vào thời gian ngày 03/5/2016 (âm lịch) chị và anh Trần Đức H (chồng chị) có vay của bà Trần Thị Y trú tại xóm 6, xã QG số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tuần, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Giấy vay nợ do chị viết và cả hai vợ chồng đều ký và đã nhận đủ tiền. Tiếp đến ngày 13/10/2016 (dương lịch) chị vay với bà Y số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất như nhau. Đến ngày 17/4/2018 (dương lịch) chị vay của bà Y số tiền là 50.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Ngày 02/5/2018 vay số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 04/5/2018 vay số tiền là 50.000.000 đồng. Ngày 06/5/2018 vay số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 08/5/2018 vay số tiền là 80.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018 vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 15/5/2018 vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 20/5/2018 vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng. Các lần vay tiền với bà Y chị là người trực tiếp viết giấy vay tiền, ký vào giấy vay tiền và đã nhận tiền đầy đủ. Tổng toàn bộ số tiền chị vay với bà Y là 880.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Trong thời gian qua do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chị chưa trả được nợ cho bà Y. Nay bà Y khởi kiện đòi nợ buộc chị trả số tiền nợ gốc cho bà Y là 880.000.000 đồng thì chị đồng ý trả nợ cho bà Y. Vì hiện nay chị đang bị tạm giam vì có liên quan đến một vụ án hình sự nên chị không trực tiếp tham gia tố tụng tại tòa án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký

Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Trần Đức H và chị Nguyễn Thị Th trả nợ cho bà Trần Thị Y số tiền vay tại giấy vay tiền ngày 03/5/2018 là 100.000.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th trả nợ cho bà Trần Thị Y tổng số tiền vay tại các giấy vay tiền ngày 13/10/2016, ngày 17/4/2018, ngày 02/5/2018, ngày 04/5/2018, ngày 06/5/2018, ngày 08/5/2018, ngày 10/5/2018, ngày 15/5/2018 và ngày 20/5/2018 là 780.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trần Đức H, chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự theo giấy vay tiền ngày 03/5/2016 là 5.000.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền chị Th vay riêng 780.000.000 đồng = 35.200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Đức H và chị Nguyễn Thị Th hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại xã QG, huyện QL, tỉnh Nghệ An; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Y yêu cầu anh Trần Đức H và chị Nguyễn Thị Th trả nợ cho bà Y số tiền nợ gốc các lần vay tổng cộng là 880.000.000đ (Tám trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn anh Trần Đức H khai nại anh không vay tiền của bà Y, anh thừa nhận giấy vay tiền ngày 03/5/2016 chữ viết và chữ ký là của anh nhưng người lấy tiền là chị T và giấy này viết vào năm 2018 chứ không phải năm 2016. Ngoài ra anh biết vợ anh có vay tiền của bà Y nhưng vay bao nhiêu thì anh không biết.

Xét thấy, các chứng cứ là giấy vay tiền do bà Y giao nộp cho Tòa án thì chỉ có giấy vay tiền ngày 03/5/2016 là có chữ ký của anh H, các giấy vay tiền còn lại chỉ một mình chị Th viết và ký nhận và không có chữ ký của anh H. Tại phiên tòa bà Y thừa nhận giấy vay tiền ngày 03/5/2016 bà có sửa là do anh H ghi năm không rõ ràng, nay bà cũng thống nhất với anh H là ngày 03/5/2018.Tại biên bản lấy lời khai đối với anh H ngày 15/8/2018 và tại phiên tòa anh H thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 03/5/2018 là chữ ký của anh, anh H khai nại anh viết và ký giấy còn người vay là chị Th nhưng anh H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị Th vay nên không có cơ sở để buộc chị Th trả nợ. Tại bản tự khai ngày 16/10/2018 của chị Nguyễn Thị Th thì chị Th thừa nhận giấy vay tiền ngày 03/5/2018 cả hai vợ chồng đều ký vào giấy vay tiền và đã nhận tiền vay của bà Y đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ngày 03/5/2018 cả hai vợ chồng anh H, chị Th vay bà Y số tiền 100.000.000 đồng do đó buộc anh H, chị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Yên số tiền vay ngày 03/5/2018 là 100.000.000 đồng. Đối với các giấy vay tiền còn lại cụ thể các ngày 13/10/2016, ngày 17/4/2018, ngày 02/5/2018, ngày 04/5/2018, ngày 06/5/2018, ngày 08/5/2018, ngày 10/5/2018, ngày 15/5/2018 và ngày 20/5/2018 thì chỉ có một mình chị Th viết và ký nhận, chị Th cũng thừa nhận chị vay một mình, anh H không biết. Nay bà Y khởi kiện buộc trả nợ thì chị Th đồng ý trả nợ cho bà Y. Do đó cần buộc chị Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y tổng số tiền vay tại các giấy vay tiền ngày 13/10/2016, ngày 17/4/2018, ngày 02/5/2018, ngày 04/5/2018, ngày 06/5/2018, ngày 08/5/2018, ngày 10/5/2018, ngày 15/5/2018 và ngày 20/5/2018 là 780.000.000 đồng.

Về lãi suất bà Trần Thị Y không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trần Đức H, chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự theo giấy vay tiền ngày 03/5/2018 là 100.000.000 đồng x 5%= 5.000.000 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền chị Th vay riêng 780.000.000 đồng = 35.200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y.

- Buộc anh Trần Đức H và chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Y số tiền vay tại giấy vay tiền ngày 03/5/2018 là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Y tổng số tiền vay tại các giấy vay tiền ngày 13/10/2016, ngày 17/4/2018, ngày 02/5/2018, ngày 04/5/2018, ngày 06/5/2018, ngày 08/5/2018, ngày 10/5/2018, ngày 15/5/2018 và ngày 20/5/2018 là 780.000.000 đồng *(Bảy trăm tám mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trần Đức H và chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự theo giấy vay tiền ngày 03/5/2018 là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền chị Th vay là 35.200.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng)*.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ *(Mười triệu đồng*), theo biên lai thu tiền số 0001753, ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án huyện Quỳnh Lưu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Đóa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.